

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN  
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 06/2025  
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO

Thời gian: 13h00 \* Ngày thi: 28/06/2025

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN        | NGÀY SINH | NƠI SINH   | LỚP          | ĐIỂM THI |      |         | GHI CHÚ   |  |
|----|-------------|------------------|-----------|------------|--------------|----------|------|---------|-----------|--|
|    |             |                  |           |            |              | KTC      | THUD | KẾT QUẢ |           |  |
| 1  | 28205227106 | Lê Hà Phương     | Anh       | 27/07/2004 | Thừa Thiên H | 31SHT2   | 6.3  | 3.8     | Không Đạt |  |
| 2  | 27203827204 | Nguyễn Thị Như   | Bình      | 26/12/2003 | Thừa Thiên H | 30TBN14  | 5.7  | 4.0     | Không Đạt |  |
| 3  | 28207100830 | Phạm Ngọc Hoàng  | Châu      | 11/04/2004 | Gia Lai      | 31CHT1   | 0.0  | 5.0     | Không Đạt |  |
| 4  | 28206523701 | Đặng Thị Kim     | Chi       | 18/10/2004 | Đắk Lắk      | 31TBN5   | 8.3  | 7.8     | Đạt       |  |
| 5  | 27207221285 | Lý Thị Anh       | Đào       | 10/04/2003 | Bình Định    | 30TYC8   | 5.0  | 2.4     | Không Đạt |  |
| 6  | 27211502182 | Nguyễn Thành     | Đạt       | 04/06/2003 | Quảng Ngãi   | 31SHT2   | 7.7  | 6.8     | Đạt       |  |
| 7  | 28204346409 | Đinh Thị         | Diệp      | 02/07/2003 | Quảng Nam    | 31SHT2   | 7.7  | 5.0     | Đạt       |  |
| 8  | 28204604862 | Cao Đăng Thùy    | Dung      | 28/01/2004 | Phú Yên      | 31TBN5   | 9.3  | 6.8     | Đạt       |  |
| 9  | 27203340973 | Hà Thị Mỹ        | Dung      | 19/04/2003 | Quảng Ngãi   | 30TBN10  | 10.0 | 4.0     | Không Đạt |  |
| 10 | 28206503746 | Hoàng Thị Mỹ     | Duyên     | 13/04/2004 | Quảng Trị    | 30THT7   | 6.0  | 2.8     | Không Đạt |  |
| 11 | 28206653210 | Trần Thị Mỹ      | Duyên     | 07/04/2004 | Thừa Thiên H | 31TBN5   | 9.0  | 5.3     | Đạt       |  |
| 12 | 28206502378 | Võ Thị Mỹ        | Duyên     | 12/10/2003 | Khánh Hòa    | 31TBN5   | 9.3  | 8.5     | Đạt       |  |
| 13 | 27202145279 | Võ Thị Trương    | Duyên     | 01/01/2003 | Bình Định    | 30SYC4   | 5.0  | 6.5     | Đạt       |  |
| 14 | 28204650098 | Nguyễn Hương     | Giang     | 14/06/2004 | Quảng Nam    | 31SHT2   | 9.7  | 9.0     | Đạt       |  |
| 15 | 28204301506 | Nguyễn Thị Hương | Giang     | 10/02/2004 | Quảng Bình   | 31TBN5   | 6.7  | 6.8     | Đạt       |  |
| 16 | 27202628544 | Võ Thị Hương     | Giang     | 25/10/2003 | Quảng Nam    | 31TBN5   | V    | V       | Không Đạt |  |
| 17 | 28206553191 | Trần Thị Thu     | Hà        | 11/03/2004 | Quảng Trị    | 31TBN5   | 9.0  | 9.3     | Đạt       |  |
| 18 | 28204627186 | Huỳnh Giang      | Hạ        | 16/07/2004 | Quảng Nam    | 31TBN5   | 9.0  | 7.5     | Đạt       |  |
| 19 | 27203840331 | Hoàng Thị Ngọc   | Hiền      | 31/05/2003 | Quảng Trị    | 30THT17  | 5.3  | 4.0     | Không Đạt |  |
| 20 | 28206221485 | Nguyễn Thị Thu   | Hiền      | 13/06/2004 | Thừa Thiên H | 31THT1   | 7.7  | 2.9     | Không Đạt |  |
| 21 | 28216548112 | Lê Cao Anh       | Hung      | 23/07/2004 | Quảng Nam    | 31THT1   | 6.7  | 4.0     | Không Đạt |  |
| 22 | 28206621878 | Đinh Phạm Khánh  | Hương     | 22/09/2004 | Đà Nẵng      | 31TBN5   | 9.0  | 7.3     | Đạt       |  |
| 23 | 27218736189 | Nguyễn Hoàng     | Huy       | 08/05/2003 | Kon Tum      | 31TBN1   | 8.3  | 2.9     | Không Đạt |  |
| 24 | 28206503380 | Trịnh Thị        | Huyền     | 14/07/2004 | Thanh Hóa    | 30CYC8   | 8.0  | 5.9     | Đạt       |  |
| 25 | 28206606017 | Nguyễn Hà Phương | Linh      | 02/01/2004 | Đà Nẵng      | 31TBN5   | 9.3  | 6.0     | Đạt       |  |
| 26 | 28205154665 | Nguyễn Minh Thùy | Linh      | 07/01/2004 | Bình Định    | 31TBN5   | 7.3  | 7.0     | Đạt       |  |
| 27 | 27202234748 | Nguyễn Thị Diệu  | Linh      | 06/04/2003 | Quảng Trị    | 30CYC3   | 3.7  | 3.8     | Không Đạt |  |
| 28 | 27218735185 | Phan Thanh       | Long      | 06/07/2002 | Quảng Bình   | 30SSC6   | 7.3  | 6.0     | Đạt       |  |
| 29 | 27207140635 | Nguyễn Huỳnh Ái  | Ly        | 14/10/2003 | Quảng Ngãi   | 30SYC3   | 5.3  | 5.5     | Đạt       |  |
| 30 | 28208205741 | Nguyễn Thị Sao   | Ly        | 03/11/2004 | Thừa Thiên H | 31TBN5   | 8.3  | 6.3     | Đạt       |  |
| 31 | 28204805487 | Vy Thị Nhật      | Ly        | 18/10/2004 | Quảng Ngãi   | 31SHT2   | 8.3  | 5.3     | Đạt       |  |
| 32 | 27203926355 | Hoàng Quỳnh      | Mai       | 20/07/2003 | Quảng Bình   | 31TBN5   | 5.7  | 3.4     | Không Đạt |  |

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN         | TÊN    | NGÀY SINH  | NƠI SINH     | LỚP     | ĐIỂM THI |      |           | GHI CHÚ |
|----|-------------|-------------------|--------|------------|--------------|---------|----------|------|-----------|---------|
|    |             |                   |        |            |              |         | KTC      | THUD | KẾT QUẢ   |         |
| 33 | 27203303132 | Hồ Thị My         | My     | 20/05/2003 | Quảng Nam    | 30THT11 | 7.0      | 5.3  | Đạt       |         |
| 34 | 27215101843 | Huỳnh Hà          | My     | 10/11/2003 | Quảng Ngãi   | 30THT16 | 8.3      | 5.0  | Đạt       |         |
| 35 | 28205236715 | Nguyễn Thị Tố     | Nga    | 05/07/2004 | Quảng Nam    | 31TYC1  | 1.0      | 1.8  | Không Đạt |         |
| 36 | 27203835057 | Lê Thị            | Ngân   | 09/02/2003 | Quảng Ngãi   | 30TBN14 | 6.3      | 5.0  | Đạt       |         |
| 37 | 28204600462 | Nguyễn Thị Kim    | Ngân   | 09/04/2004 | Quảng Nam    | 31SHT2  | 9.3      | 6.0  | Đạt       |         |
| 38 | 27203601717 | Nguyễn Thị Phương | Ngọc   | 02/01/2002 | Đà Nẵng      | 30TBN15 | 8.0      | 3.5  | Không Đạt |         |
| 39 | 28204406946 | Trần Thị Ánh      | Nguyên | 07/07/2004 | Quảng Nam    | 31SHT2  | 10.0     | 10.0 | Đạt       |         |
| 40 | 28204653450 | Phan Thị Thúy     | Nguyệt | 24/12/2004 | Quảng Nam    | 31SHT2  | 9.3      | 8.3  | Đạt       |         |
| 41 | 28206653699 | Đỗ Quỳnh          | Nhi    | 30/09/2004 | Kon Tum      | 31TBN5  | 9.7      | 3.8  | Không Đạt |         |
| 42 | 28204622582 | Nguyễn Thị Yến    | Nhi    | 22/08/2004 | Quảng Ngãi   | 31SHT2  | 8.3      | 6.5  | Đạt       |         |
| 43 | 28206601013 | Tạ Thị Quỳnh      | Như    | 10/06/2004 | Quảng Ngãi   | 31TBN5  | 6.0      | 5.0  | Đạt       |         |
| 44 | 28204601723 | Từ Thị            | Như    | 19/11/2004 | Quảng Trị    | 31TBN5  | 8.7      | 9.0  | Đạt       |         |
| 45 | 28204451742 | Hồ Thị            | Phượng | 20/02/2004 | Quảng Nam    | 31SHT2  | 9.3      | 5.8  | Đạt       |         |
| 46 | 28214652823 | Nguyễn Hồng       | Quân   | 03/06/2004 | Nghệ An      | 31SHT2  | 7.7      | 2.6  | Không Đạt |         |
| 47 | 28214752704 | Trương Minh       | Quang  | 12/06/2004 | Quảng Nam    | 31TBN5  | 8.0      | 6.3  | Đạt       |         |
| 48 | 28204602884 | Trần Thị Kim      | Quyên  | 20/06/2004 | Quảng Ngãi   | 31SHT2  | 8.3      | 5.0  | Đạt       |         |
| 49 | 28206706540 | Lê Thị Minh       | Tâm    | 26/06/2004 | Thừa Thiên H | 31TBN5  | 9.3      | 5.5  | Đạt       |         |
| 50 | 28204604953 | Thân Ngọc Đoan    | Tâm    | 09/07/2004 | Đà Nẵng      | 31TBN5  | 8.0      | 5.0  | Đạt       |         |
| 51 | 28214304041 | Lê Văn            | Thắng  | 24/08/2004 | Đắk Nông     | 31SBN1  | 4.0      | 2.9  | Không Đạt |         |
| 52 | 28204303123 | Trần Thị Lệ       | Thi    | 10/07/2004 | Quảng Trị    | 31TBN5  | 9.7      | 5.3  | Đạt       |         |
| 53 | 28206705908 | Nguyễn Thị Minh   | Thu    | 24/03/2004 | Đà Nẵng      | 31TBN5  | 7.3      | 8.8  | Đạt       |         |
| 54 | 28206604968 | Huỳnh Ngọc Minh   | Thư    | 31/07/2004 | Quảng Nam    | 31TBN5  | 8.7      | 3.1  | Không Đạt |         |
| 55 | 28205201124 | Võ Hà Anh         | Thư    | 07/09/2004 | Bình Định    | 31TBN5  | 7.7      | 5.0  | Đạt       |         |
| 56 | 27208726202 | Nguyễn Thị Thanh  | Thúy   | 12/04/2003 | Đà Nẵng      | 31TYC1  | 9.0      | 3.8  | Không Đạt |         |
| 57 | 28206922735 | Từ Huyền Ngọc     | Thùy   | 06/06/2004 | Quảng Ngãi   | 30TBN14 | 7.3      | 6.5  | Đạt       |         |
| 58 | 27205236196 | Lê Thùy           | Tiên   | 15/11/2003 | Quảng Bình   | 31TBN5  | 6.3      | 8.5  | Đạt       |         |
| 59 | 28204627221 | Trần Thị Thùy     | Tiên   | 07/09/2004 | Quảng Nam    | 30TBN14 | 4.7      | 1.0  | Không Đạt |         |
| 60 | 28204604501 | Đinh Thị Huyền    | Trân   | 03/06/2004 | Quảng Ngãi   | 31SHT2  | 9.7      | 6.5  | Đạt       |         |
| 61 | 25218707822 | Nguyễn            | Trí    | 22/10/2001 | Đắk Lắk      | 31SHT2  | 7.3      | 3.8  | Không Đạt |         |
| 62 | 28206502823 | Cao Thị Kiều      | Trinh  | 20/02/2004 | Thừa Thiên H | 31THT1  | 7.0      | 3.0  | Không Đạt |         |
| 63 | 28206230462 | Nguyễn Phan Thanh | Tú     | 07/11/2004 | Đà Nẵng      | 31TBN5  | 8.7      | 9.3  | Đạt       |         |
| 64 | 27212133311 | Nguyễn Đỗ Quang   | Tùng   | 26/11/2002 | Đà Nẵng      | 31THT1  | 8.7      | 3.0  | Không Đạt |         |
| 65 | 28206736044 | Nguyễn Thị Thanh  | Tuyền  | 03/01/2004 | Quảng Nam    | 31TBN5  | 9.0      | 6.3  | Đạt       |         |
| 66 | 27208737139 | Nguyễn Bảo        | Uyên   | 01/01/2003 | Quảng Nam    | 31TYC1  | 6.7      | 6.0  | Đạt       |         |
| 67 | 28206703531 | Trần Tú           | Uyên   | 31/05/2004 | Đà Nẵng      | 31TBN5  | 7.0      | 6.5  | Đạt       |         |

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN        | NGÀY SINH  | NƠI SINH   | LỚP     | ĐIỂM THI |      |           | GHI CHÚ |
|----|-------------|------------------|------------|------------|---------|----------|------|-----------|---------|
|    |             |                  |            |            |         | KTC      | THUD | KẾT QUẢ   |         |
| 68 | 28204705269 | Nguyễn Hồng Vân  | 14/02/2004 | Quảng Nam  | 31SHT2  | 6.0      | 5.8  | Đạt       |         |
| 69 | 28204705276 | Nguyễn Tuyết Vân | 14/02/2004 | Quảng Nam  | 31SHT2  | 7.0      | 5.3  | Đạt       |         |
| 70 | 28204445983 | Bùi Thị Ngọc Vy  | 15/05/2004 | Quảng Nam  | 31SHT2  | 9.7      | 6.9  | Đạt       |         |
| 71 | 28204324491 | Lê Trường Vy     | 10/12/2004 | Quảng Ngãi | 31SHT2  | 7.3      | 1.4  | Không Đạt |         |
| 72 | 28206639319 | Huỳnh Lê Như Ý   | 13/05/2004 | Đà Nẵng    | 31TBN5  | 8.0      | 5.8  | Đạt       |         |
| 73 | 27203836606 | Trịnh Thị Như Ý  | 19/09/2003 | Quảng Nam  | 30TBN15 | 8.3      | 3.5  | Không Đạt |         |

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh